

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2778/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trần Thế T, sinh năm 1979

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: số nhà X, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Bà Trần Thế T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2007 ngày 23 tháng 7 năm 2007. Như vậy, hôn nhân giữa bà Trần Thế T và ông Nguyễn Văn D là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, không phù hợp về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến nay, bà T và ông D xác định không còn tình cảm với nhau, không thể chung sống với nhau được nữa. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà Trần Thế T và ông Nguyễn Văn D đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự

không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T và ông D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/11/2007. Ông D và bà T đã thỏa thuận giao con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản và nợ chung: Không có.

[4] Ngày 22 tháng 11 năm 2022, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung và tài sản chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thế T và ông Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, quyển số 01/2007 ngày 23 tháng 7 năm 2007 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thế T và ông Nguyễn Văn D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/11/2007.

Giao con chung tên Nguyễn Minh T cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng; bà Trần Thế T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/1 tháng (hai triệu đồng mỗi tháng), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bà Trần Thế T không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Văn D có quyền yêu cầu Thi hành án. Kể từ ngày ông

D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chưa trả hết tiền cấp dưỡng thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (mười phần trăm một năm) tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí mà bà Trần Thế T và ông Nguyễn Văn D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0006629 ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thị Thu Hiền**